TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/DS-PT
Ngày 28 tháng 8 năm 2017
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Tiến
Các Thẩm phán: Ông: Đỗ Ngọc Tuấn
Bà: Phừng Thị Ái Nguyên
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:* Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 30/2017/DS-PT ngày 01 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 227/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX-PT ngày 18/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị L - sinh năm 1953
Ông Nguyễn Văn Giảng – sinh năm 1952
Địa chỉ: Khu 10, xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Ông Hà Văn T - sinh năm 1929
Bà Ngô Thị P – sinh năm
Địa chỉ: Khu 11, xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
Người đại diện theo uỷ quyền của ông T:
Ông Đỗ Xuân Trọng – sinh năm 1977
Địa chỉ: Số 78, phố Hoàng Đạo Thành, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
Ông Phạm Văn Thạch – sinh năm 1991
Địa chỉ: Đội 8, Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.
(Văn bản uỷ quyền ngày 20/01/2017)
Người kháng cáo: Ông Hà Văn T – là bị đơn
(Bà L, ông Trọng, ông Thạch có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Toà án bà Hà Thị L trình bày: Cụ nội của bà là cụ Hà Văn Hiên (đã chết từ lâu). Cụ Hiên có hai vợ và sinh được 07 người con gồm 04 trai, 03 gái. Trong bốn người con trai thì hai người đã chết từ nhỏ, 03 người con gái đã đi lấy chồng, còn lại hai ông Hà Văn Luân (ông Luân là bố của bà) và ông Hà Văn T. Sinh thời cụ Hiên có một thửa đất thổ cư, cụ Hiên chia cho hai con là ông Luân và ông T. Phần đất của ông Luân thì ở trong theo bản đồ 299 là thửa số 58, tờ bản đồ số 7, diện tích 448m^2, phần đất của ông T ở ngoài giáp đường liên xóm có số thửa là 59, tờ bản đồ số 7, diện tích 960m^2. Bố của bà là ông Luân lấy vợ là bà Hà Thị Túc (Bà Túc là mẹ đẻ của bà) năm 1949, năm 1952 được cụ Hiên chia đất cho ra ở riêng như trên. Bố mẹ bà làm nhà trên phần đất ở phía trong, ông T được chia ở phía ngoài đồng thời cụ Hiên mở một lối đi chung cho cả hai gia đình rộng khoảng 2m từ ngoài đường cái vào phía trong đến đất của bố mẹ bà từ năm 1952. Năm 1991 bố mẹ bà kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 58, tờ bản đồ số 7, diện tích 448m^2, tại khu 11 xã Hiền Quan và vẫn đi lối đi chung có từ năm 1952 nói trên. Bố mẹ bà sinh được 3 người con gái đã đi lấy chồng hết, các cụ vẫn ở trên thửa đất này. Đến năm 2000 bố bà (Ông Luân) chết, bà đón mẹ bà là bà Túc về chăm sóc, đến năm 2011 thì bà Túc chết. Nhà, đất không có ai ở, bà là người trực tiếp trông coi, bảo quản; Tuy nhiên trước đó vào năm 2010, ông T đã rào lối đi chung có từ năm 1952 với L do trước đây cho bố mẹ bà đi nhờ, khiến chị em bà không có lối đi vào phải đi nhờ hàng xóm. Năm 2015 bà xây một nhà thờ cho bố mẹ trên đất nhưng ông T, bà Phú (bà Phú là vợ ông T) vẫn không mở lối nên chị em bà vẫn phải đi nhờ hàng xóm để vào thắp hương cho bố mẹ. Bà đề nghị Toà án buộc ông T phải tháo dỡ tường rào, nhà bếp mới xây dựng, cây cối đã trồng trên đất để trả lại lối đi trên cho gia đình bà.

Ông Hà Văn T trình bày: Bố ông là cụ Hà Văn Hiên. Cụ Hiên có hai vợ là cụ Phan Thị Nhân và cụ Hà Thị Tấn. Cụ Hiên có một thửa đất, sinh thời cụ Hiên đã chia cho hai anh em là ông Hà Văn Luân và ông. Phần đất của ông Luân ở phía trong là 748m^2 tại thửa số 58, tờ bản đồ số 07, phần diện tích đất chia cho ông ở phía ngoài. Năm 1991 gia đình ông kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích bao nhiêu ông không nhớ rõ. Khi chia đất cụ Hiên không chia phần đất làm lối cổng đi cho ông Luân nên gia đình ông Luân phải đi nhờ hàng xóm ra đường cái. Bản đồ 299 thể hiện không có lối đi, hai thửa đất của gia đình ông Luân và của gia đình ông độc lập. Năm 2015 chị L là con gái của ông Luân làm nhà thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L đòi ông phải mở lối cổng đi ông không nhất trí. Ông không lấn đất của ông Luân.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2016 thể hiện: Thửa đất số 58 của ông Luân do bà L đang quản L có diện tích là 495m^2 (tăng 47m^2); thửa đất số 59 của ông T, bà Phú có diện tích là 1.208m^2 (tăng 248m^2 so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Phần đất tranh chấp lối đi là 132,4m^2, trên đất có nhà bếp, công trình phụ của ông T, sân láng xi măng, cây chuối theo định giá ngày 25/11/2016 trị giá là 15.136.000đ.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2016, ngày 17/02/2017 và ngày 11/4/2017 UBND xã Hiền Quan và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Nông cung cấp: Trên thực tế lối đi của gia đình ông Luân đã có từ những năm 1952, gia đình ông Luân trước đây vẫn sử dụng ổn định lối đi này. Bản đồ 299 đo vẽ năm 1987 không thể hiện lối đi là do sai sót của trong quá trình đo đạc, kẻ vẽ của cán bộ khi lập bản đồ 299, không phải là lối đi không tồn tại trên thực tế.

Những người làm chứng gồm các ông, bà: Trần Xuân Huy, Hà Xuân Nghi, Hà Hồng Huấn, Hà Vương Long, Trần Thị Tứ, Hà Văn Lương, Trần Văn Lan, Hà Văn Sâm, Ngô Văn Nhâm và ông Trưởng khu hành chính số 11 Ngô Quý Dậu đều xác nhận có lối cổng đi từ nhà ông Luân ra đường cái xóm từ những năm 1952 nhưng bị gia đình ông T bịt lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/ DS-ST ngày 27/4/2017 Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng Điều 579 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1,2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban T vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

1. Xử : Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hà Thị L, ông Nguyễn Văn Giảng về việc kiện đòi lối cổng đi đối với ông Hà Văn T và bà Ngô Thị P.

Buộc ông Hà Văn T và bà Ngô Thị P phải trả lại 132,4m^2 để làm là lối đi chung theo chỉ giới: Từ điểm 5 đến 6 = 36,8m; Từ điểm 6 đến 7 = 3,6m; Từ điểm 7 đến 8 = 36,8m; Từ điểm 8 đến 5 = 3,6m.

Và ông T, bà Phú phải tháo dỡ công trình phụ bếp (2.16m^3 bờ tường xây gạch xỉ không trát + 14,4m^2 mái lợp Blôximăng), chuối, cổng sắt trên phần diện tích đất nêu trên để làm lối cổng đi chung vào gia đình bà Hà Thị L, ông Nguyễn Văn Giảng (Toạ lạc tại khu 11, xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ theo biên bản hiện trạng sử dụng đất ngày 25/11/2016).

Bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2017 ông Hà Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ kháng cáo:

1. Trên thực tế cũng như trên toàn bộ hồ sơ giấy tờ thửa đất thì toàn bộ phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình ông bởi lẽ: Bản đồ 299 không thể hiện lối đi từ thửa đất số 58 của ông Luân ra đường giao thông công cộng. Năm 1991 gia đình ông Luân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 448m^2 nay là 495m^2 chứng tỏ ông Luân đã khẳng định không có phần đất được cho là làm đường đi có diện tích 132,4m^2 ra đường giao thông công cộng hiện thuộc thửa đất số 59 của gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1950 đến nay; không phải là một phần diện tích của thửa đất số 58 đã được ông Luân đăng ký năm 1991. Việc sử dụng đi ra đường giao thông công cộng thửa 58 có nhiều hướng khác nhau, hiện còn một con đường đi qua thửa đất số 56. Thực tế khi cụ Hiên chia đất hoàn toàn không xác định phần đất làm lối đi ra đường giao thông công cộng trên phần đất của ông được chia. Toà án chưa xác minh từ những người con của cụ Hiên. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông năm 1991 có các hộ ký xác nhận giáp ranh, có ranh giới rõ ràng, ông Luân chỉ là đi nhờ trên đất của gia đình ông.

2. Toà án căn cứ vào biên bản xác minh của một cơ quan cấp xã để tuyên huỷ tính hợp pháp, tính đúng của một văn bản được ban hành bởi cơ quan cấp trên là không đúng bởi lẽ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện cấp từ năm 1991, nếu có sai sót thì phải được UBND cấp huyện xem xét, không thể căn cứ vào biên bản xác minh của cơ quan cấp dưới để tuyên huỷ tính hợp pháp một văn văn cấp trên được. Toà án căn cứ vào cung cấp của cá nhân ông Thái, ông Đính để đưa ra một phán xét rằng việc đo đạc hồ sơ thửa đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông là sai là không đúng, hai biên bản xác minh tại cấp xã không có giá trị pháp L. Năm 1991 thì ông Thái, ông Đính làm gì, tại sao lại biết được rằng bản đồ 299 đo vẽ sai. Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rất chặt chẽ, Tài nguyên môi trường huyện chỉ xác nhận có cấp giấy chứng nhận, không xác nhận bản đồ 299 không thể hiện lối đi từ thửa đất 58 ra đường giao thông công cộng là sai xót.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của ông T giữ nguyên nội dung kháng cáo, trình bày cụ thể các căn cứ kháng cáo. Quá trình tranh tụng, trước thì cho rằng theo quy định của pháp luật dân sự, chủ sử dụng thửa đất số 58 có quyền yêu cầu chủ sử dụng đất liền kề mở cho mình một lối đi ra đường giao thông công cộng gần nhất nhưng phải trả tiền, sau lại xác định không phải trả tiền; cho rằng tuy lối đi tồn tại từ nhiều năm nhưng chưa đủ căn cứ xác định cụ Hiên có để lại lối đi như xác nhận của những người làm chứng; nhưng cũng chưa đủ căn cứ khẳng định là ông Luân chỉ đi nhờ. Tuy nhiên, theo bản đồ 299 thì không có lối đi; bổ sung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại án phí sơ thẩm, vì ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Uỷ ban T vụ Quốc hội. Bà L cho rằng lời trình bày của người đại diện cho ông T tại phiên toà là không đúng sự thật, không hiểu rõ nguồn gốc đất của dòng họ cụ Hiên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm. Về nội dung vụ án có quan điểm: Việc buộc ông T phải trả lại lối đi của bản án sơ thẩm là đúng, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, nhưng sửa án sơ thẩm, miễn án phí sơ thẩm cho ông T theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Uỷ ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án..

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Hà Văn T, ông Hà Văn Luân đều là con của cụ Hà Văn Hiên (Ông Luân chết năm 1999, cụ Hiên đã chết từ lâu). Ông Hà Văn Luân kết hôn với bà Hà Thị Túc năm 1949 (Bà Túc chết năm 2011). Ông Luân, bà Túc có 03 người con là các bà: Hà Thị L, Hà Thị Hồng và Hà Thị Vân, ông Nguyễn Văn Giảng là chồng của bà Hà Thị L. Nguồn gốc đất của ông T, ông Luân là của cụ Hà Văn Hiên chia cho từ những năm 1952. Phần đất của ông Luân nay đang do bà L, ông Giảng quản L. Theo bản đồ địa chính lưu trữ tại địa phương thì thửa đất của cụ Hiên trước đây là một thửa có diện tích là 1.322m^2. Theo bản đồ giải thửa (Bản đồ 299) đo vẽ năm 1987, Sổ Mục kê đất do chính quyền địa phương đang quản L thì thửa đất của cụ Hiên trước đây được tách thành hai thửa gồm: Thửa đất của ông Luân là thửa số 58, tờ bản đồ số 7, diện tích 448m^2 (Đo thực tế là 495m^2, thừa 47m^2), thửa đất của ông T là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7, diện tích là 960m^2 (Đo thực tế là 1.208m^2, thừa 248m^2), tại khu 11, xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Hai thửa đất đều đã được UBND huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú (Cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991. Bà L khởi kiện cho rằng lối đi của thửa đất số 58 có từ năm 1952 khi cụ Hiên chia đất cho bố bà là ông Hà Văn Luân và vẫn sử dụng cho đến năm 2010 thì ông T xây bịt lại với L do trước đây chỉ cho gia đình ông Luân đi nhờ. Diện tích lối đi là 132,4m^2 trong 248m^2 đất thừa ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, buộc ông T phải trả lại.

[2] Về kháng cáo của ông Hà Văn T:

Các lời khai của các ông, bà: Trần Xuân Huy, Hà Xuân Nghi, Hà Hồng Huấn, Hà Vương Long, Trần Thị Tứ, Hà Văn Lương, Trần Văn Lan, Hà Văn Sâm, Ngô Văn Nhâm và ông Trưởng khu hành chính số 11 Ngô Quý Dậu đều xác nhận có lối cổng đi từ nhà ông Luân ra đường cái xóm từ những năm 1952 nhưng bị gia đình ông T bịt lại. UBND xã Hiền Quan, Tam Nông xác định bản đồ 299 có sự sai sót không thể hiện lối cổng đi này (Văn bản đóng dấu UBND xã Hiền quan là quan điểm của UBND xã Hiền Quan). Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Tam Nông xác định (BL số 101,102): "Phần diện tích đất của ông Hà Văn Luân được bố mẹ (Cụ Hà Văn Hiên) chia cho ở phía bên trong của thửa đất ông Hà Văn T ở phía bên ngoài. Và thực tế từ lâu đã tồn tại lối cổng đi từ nhà ông Luân (Sau này là nhà bà Hà Thị L, ông Giảng quản L) ra đường cái. Mặc dù bản đồ 299 không thể hiện lối cổng đi nhưng trên thực tế đã tồn tại lối cổng đi từ nhà ông Luân ra đường cái từ rất lâu đời. Qua kiểm tra thực tế ngày 25/11/2016 thì diện tích đất của ông Luân là 495m^2 có tăng thêm 47m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là do sai số trong quá trình đo đạc và biến động đất đai không phải do hộ ông Luân lấn chiếm. Qua đo đạc thực tế diện tích hộ ông T, bà Phú lên đến 1.208m^2. Như vậy, có sự tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 248m^2. Phần diện tích tăng thêm này một phần do sai số đo đạc, một phần là đo cả con đường đi chung giữa hộ ông T và hộ ông Luân, bà Túc để đi vào nhà ông Luân từ khi cụ Hà Văn Hiên chia tách đất cho hai con là ông T và ông Luân. Mặt khác con đường này gia đình bà Túc vẫn đi lại liên tục cho đến khi bà Túc chết năm 2011. Sau khi bà Túc chết các con cái không đi lại T xuyên nên gia đình ông T đã tự ý xây bịt lối đi vào đất của bà Túc. Qua đo đạc thực tế diện tích đi vào nhà bà Túc là 132,4m^2, đây là đường đi chung của hai hộ, không phải là lối đi riêng của hộ ông T.

Căn cứ bản đồ còn lưu giữ tại địa phương có trong hồ sơ vụ án cho thấy thửa đất của cụ Hiên trước đây chỉ có một cạnh giáp đường giao thông (Sau này là một cạnh là thửa đất ố 59 của ông T), các cạnh khác đều giáp bất động sản liền kề, theo đó thửa đất số 58 của ông Luân không có cạnh nào giáp đường giao thông mà đều giáp các bất động sản liền kề. Thửa đất của ông T phía ngoài có một cạnh dài 22m giáp đường giao thông; diện tích đất hiện tại của thửa đất số 59 của ông T là 1.208m^2, thừa 248m^2 so với diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng. Như vậy, có căn cứ xác định tuy bản đồ 299 không thể hiện lối đi, nhưng lối đi vào thửa đất số 58 của ông Hà Văn Luân, bà Hà Thị Túc đã tồn tại từ những năm 1952 từ khi cụ Hiên chia đất cho vợ chồng ông Luân, bà Túc làm nhà ở riêng. Gia đình ông Luân, bà Túc và cả gia đình ông T, bà Phú vẫn sử dụng chung lối đi này cho đến năm 2010 thì ông T xây bịt lại. Hiện tại gia đình ông T vẫn sử dụng lối đi trên để đi vào thổ cư của mình. Lời khai của bà L về lối đi phù hợp với lời khai của những người làm chứng, xác định của UBND xã Hiền Quan, của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Lời khai của ông T cho rằng khi cụ Hiên chia đất cho ông Luân nhưng không để lối đi cho thửa đất của ông Luân mà ông Luân phải đi nhờ hàng xóm là không có cơ sở vì không ai chia đất cho con ở riêng lại để con phải đi nhờ đất của hàng xóm, trong khi hoàn toàn có đủ điều kiện để giành lối đi. Diện tích 132,4m^2 đất của lối đi không thuộc 960m^2 đất của gia đình ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, bản đồ lại

không thể hiện lối đi mà lại vẽ chung vào thửa đất số 59. Vì vậy, toà án cấp sơ thẩm xác định đã có sự sai xót khi đo vẽ lập bản đồ 299, đồng thời xác định 132,4m^2 đất là lối đi chung của thửa đất số 58, và 59 là đúng, cho nên kháng cáo của ông T không được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà Phú là người cao tuổi, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban T vụ Quốc hội, cấp phúc thẩm sẽ sửa phần án phí dân sự sơ thẩm, theo đó miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông T, bà Phú.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T, bà Phú không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 27/4/2017 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ về án phí.

Áp dụng Điều 579 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai, khoản 1 Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 1,2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban T vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hà Thị L, ông Nguyễn Văn Giảng về việc kiện đòi lối cổng đi đối với ông Hà Văn T và bà Ngô Thị P.

Buộc ông Hà Văn T và bà Ngô Thị P phải trả lại 132,4m^2 để làm lối đi chung theo chỉ giới: Từ điểm 5 đến 6 = 36,8m; Từ điểm 6 đến 7 = 3,6m; Từ điểm 7 đến 8 = 36,8m; Từ điểm 8 đến 5 = 3,6m. Và ông T, bà Phú phải tháo dỡ công trình phụ bếp (2.16m^3 bờ tường xây gạch xỉ không trát + 14,4m^2 mái lợp Blôximăng), 10 cây chuối, cổng sắt trên phần diện tích đất nêu trên để làm lối cổng đi chung vào gia đình bà Hà Thị L, ông Nguyễn Văn Giảng (Toạ lạc tại khu 11, xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ theo biên bản hiện trạng sử dụng đất ngày 25/11/2016).

Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Văn T, bà Ngô Thị P. Hoàn trả lại cho Bà Hà Thị L 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003327 ngày 03/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Văn T, bà Ngô Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí toà án số 0003449 ngày 19/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND T.Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- TAND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Việt Tiến